

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N B
TỈNH N B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HS-ST
Ngày: 05-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Ngọc Lợi

+ Bà Hoàng Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2021/TLST- HS ngày 17 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 06 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cù Thị H** (Tên gọi khác: Không) - sinh năm 1983.

Nơi ở và nơi ĐKNKTT : thôn Lộc Hạ, xã Y H, huyện Ý Y, tỉnh N Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 9/12
Nghề nghiệp: Nhân viên dọn nội thất xe ô tô. Con ông: Cù Đức Đ, Sinh năm 1956; Con bà: Cù Thị D - Sinh năm 1956. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai. Chồng: Nguyễn Công M – Sinh năm 1975; bị cáo có 01 con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/3/2021 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

1. Bị hại:

- anh Lê Chí L, sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà 49, đường Nguyễn Văn Cừ, phố V X 1, phường Th B, thành phố N B, tỉnh N B (vắng mặt).

2. Người làm chứng:

- anh Tô Thế H, sinh năm 1995; địa chỉ: xã Khánh Hội, huyện Y Kh, tỉnh N B.

- anh Lương Gia H, sinh năm 2004; địa chỉ : Tổ 3, phường Trung Sơn, thành phố T Đ, tỉnh N B.

Người đại diện của người làm chứng : chị Lê Thị Hải Đ, sinh năm 1975; địa chỉ : Tổ 3 , phường Tr S, thành phố T Đ, tỉnh N B.

(Những người làm chứng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cù Thị H là nhân viên dọn nội thất tại gara ô tô số 252 đường Ngô Gia Tự, phố B S, phường Th B, thành phố Ninh Bình do anh Tô Thế H sinh năm 1995 trú tại xã Khánh Hội, huyện Y Kh, tỉnh N B làm chủ. Khoảng 9 giờ ngày 01/2/2021, anh Lê Chí L sinh năm 1981 trú tại phố Minh Khai phường N Th điều khiển xe ô tô Altis biển kiểm soát 35A-00278 đến gara ô tô nơi Hương làm việc để rửa xe ô tô, lúc này ở học để đồ bên trái phía dưới vô lăng xe ô tô anh Linh có cất 01 nhẫn bằng vàng chế tác dạng các hình tròn đan xen nhau, giữa các hình tròn có hình ô vuông (dạng nhẫn kim tiền) . Khi đến nơi anh L để xe ô tô Altis biển kiểm soát 35A-00278 tại gara ô tô để rửa xe và đi gặp bạn bè. Sau đó anh H cùng anh Lương Gia H sinh năm 2004 trú tại tổ 3 phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp là nhân viên của quán cùng rửa phần vỏ bên ngoài của xe ô tô Altis . Sau khi rửa xong anh Hưng điều khiển xe ô tô ra cách nơi rửa khoảng 10m để H dọn nội thất bên trong xe. Quá trình dọn dẹp nội thất, H nảy sinh ý định tìm tài sản trên xe ô tô để trộm cắp, Hương liền mở học để đồ bên trái phía dưới vô lăng xe ô tô của anh Linh phát hiện thấy chiếc nhẫn của anh L, H dùng tay phải lấy chiếc nhẫn vàng trên sau đó bỏ vào túi quần bên phải. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh Linh quay lại quán rửa xe ô tô để lấy xe thì phát hiện mất một chiếc nhẫn vàng trên nên đã hỏi nhân viên của quán. Do lo sợ bị phát hiện, H đi vào nhà vệ sinh của gara ô tô lấy giấy vệ sinh bọc 01

chiếc nhẫn vàng trộm cắp của anh L bỏ vào lõi cuộn giấy vệ sinh và vất ra sau nhà vệ sinh thông qua ô thoáng. Khi anh L đi về, H ra sau nhà vệ sinh nhặt một chiếc nhẫn vàng trên. Sau đó anh L đã đến công an phường Th B trình báo sự việc. Qua rà soát đối tượng, Công an phường Th B phát hiện H có biểu hiện nghi vấn nên triệu tập lên làm việc, biết không thể che giấu nên H đã tự giác khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp một chiếc nhẫn vàng trộm cắp của anh L.

Tại bản kết luận giám định số 1337/C09-P4 thuộc Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác dạng các hình tròn đan xen nhau, giữa các hình tròn có ô vuông (dạng nhẫn kim tiền) gửi giám định có khối lượng 3,73gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,46%. Ngoài ra còn có bạc (Ag): hàm lượng Ag: 0,54%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KI- HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình kết luận: 01 nhẫn vàng (loại nhẫn kim tiền) có trọng lượng 3,73 gam là vàng (Au) hàm lượng Au: 99,46%. Ngoài ra còn có bạc (Ag) hàm lượng 0,54% trị giá 5.600.000 đồng.

Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B tỉnh N B đã truy tố Cù Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Cù Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Cù Thị Hương từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày UBND xã Yên Hồng nhận được bản án của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình. Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra và giải quyết vụ án không thu giữ vật chứng gì của vụ án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Cù Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Hồi 9 giờ ngày 01/2/2021 tại gara ô tô số 252 đường Ngô Gia Tự phố Bắc Sơn phường Th B thành phố N B tỉnh N B. Cù Thị H đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản là anh Lê Chí L, lén lút chiếm đoạt 01 nhẫn vàng của anh L trị giá 5.600.000 đồng .

Lời khai của bị cáo phù hợp khách quan với biên bản xác định hiện trường , bản ảnh xác định hiện trường ; biên bản sao trích camera sơ đồ hiện trường, quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu; kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng. Do vậy, khẳng định hành vi của bị cáo Cù Thị H lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 5.600.000 đồng là phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi của bị cáo Cù Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, chỉ vì sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã làm bị cáo nảy sinh lòng tham dẫn đến hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo mức hình phạt tương xứng, đảm bảo cho bị cáo nhận thức được việc làm vi phạm pháp luật của bản thân nhưng cũng có tính khoan hồng

của pháp luật để bị cáo không lặp lại hành vi tương tự. Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng .

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với nhiều tình tiết giảm nhẹ bị cáo được áp dụng, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo. Ngoài ra áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để sung quỹ nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra để giải quyết do tài sản bị cáo trộm cắp là một nhẫn vàng chế tác dạng các hình tròn đan xen nhau, giữa các hình tròn có hình ô vuông (dạng nhẫn kim tiền) cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Chí L, anh L đã nhận lại tài sản và không đề nghị gì khác.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, Bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1. Tuyên bố bị cáo Cù Thị H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Cù Thị H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Cù Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Y H huyện Ý Y tỉnh N Đ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Hương có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y H huyện Ý Y tỉnh N Đ trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Cù Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”;

Nơi nhận:

- TAND tỉnhNB;
- VKSND TP. N B;
- CA TP N B, Bị cáo;
- THADS TP. N B;
- Sở tư pháp tỉnh N B;
- UBND xã Y H, Ý Y, NĐ;
- Lưu VP, HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Phương